

Bản án số: 164/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27/10/2020

V/v Xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tiến.
2. Ông Trương Thanh Giảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc: “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Phương Q**, sinh năm: 1985. (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số 21/6 đường 154, khu phố 3, phường Tân Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Đinh Quang N**, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Trần Thị Phương Q trình bày:

Bà Q và ông Đinh Quang N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2008. Sau khi cưới bà Q và ông N cùng về chung sống tại khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang cho đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông N có tính gia trưởng nên bà Q không thể chịu đựng nổi, vợ chồng mâu thuẫn đến nay đã 05 năm, ông N có đuổi bà Q ra khỏi nhà và bà Q phải bỏ đi. Sau đó ông N có đến tìm, hứa thay đổi để xây dựng lại tình cảm gia đình nhưng ông N vẫn tính nết bất hòa không thay đổi bản thân. Vì vậy cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, không còn tính cảm với nhau, vì vậy không thể tiếp tục

chung sống với nhau được nữa. Hiện tại bà Q và ông N đã sống ly thân hơn 01 năm nay và bà Q đã dọn ra ở riêng. Trong thời gian sống ly thân, ông N có tìm đến và có những hành động gây áp lực cho bà Q nên bà Q không đồng ý gặp mặt ông N nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên bà Q cương quyết xin ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà Q và ông N có 01 người con chung tên Đinh Hoàng Q, sinh ngày 06/8/2013, bà Q xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về nợ chung và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ông Đinh Quang N trình bày:

Về cuộc sống hôn nhân như bà Q trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông N thừa nhận có đuổi bà Q đi khi 02 bên xảy ra mâu thuẫn. Ông N cũng thừa nhận hay gia trưởng và thấy cái sai của mình trong cuộc sống hôn nhân, về phía bà Q cũng phải thay đổi cách sống để cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng đến nay bà Q vẫn không thay đổi. Ông N và bà Q đã sống ly thân hơn 01 năm nay và hiện tại bà Q đã ra sống riêng. Thời gian sống ly thân ông N có tìm đến nhưng bà Q không đồng ý gặp. Nay ông N đồng ý sửa đổi bản thân để tiếp tục cuộc sống vợ chồng, ông N vẫn còn tình cảm với con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông với bà Q có 01 người con chung tên Đinh Hoàng Q như bà Q trình bày là đúng. Ông N xin nuôi con, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, ông N đồng ý giao con cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà Q không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Đinh Hoàng Q trình bày: Cháu Q có nguyện vọng tiếp tục được sống với mẹ bà Trần Thị Phương Q.

Qua xác minh tại khu phố Ngã Ba, thị trấn K được biết: Do vợ chồng bà Q, ông N chưa đến chính quyền khu phố nhờ giải quyết vấn đề hôn nhân giữa ông, bà nên ban lãnh đạo khu phố không biết được mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà Q và ông N.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Q ly hôn với ông N, giao con chung cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc bà Q không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Bà Q phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nêu cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về việc "Ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn ông Đinh Quang N cư trú tại khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân và con chung của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét giải quyết.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Phương Q và ông Đinh Quang N có đăng ký kết hôn và được UBND phường Tân Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2008, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét về mâu thuẫn trong hôn nhân xuất phát từ việc ông N có tính tình gia trưởng, từ đó dẫn đến các mâu thuẫn ngày càng trầm trọng trong cuộc sống vợ chồng, việc mâu thuẫn này đã kéo dài trong nhiều năm. Đỉnh điểm là việc ông N đuổi bà Q ra khỏi nhà nhưng sau đó vì nghĩ cho hạnh phúc gia đình và con cái nên bà Q chấp nhận quay về hàn gắn lại cuộc sống hôn nhân. Nhưng sau đó ông N vẫn tính nào tạt náy không chịu thay đổi, vì vậy dần dần cuộc sống lâm vào tình trạng bế tắc, bà Q và ông N đã sống ly thân với nhau và sau đó bà Q quyết định bỏ nhà ra sống riêng và không cho ông N gặp mặt, vì mỗi lần gặp mặt ông N lại có những lời lẽ xúc phạm tạo rất nhiều áp lực cho bà Q. Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên để vợ chồng trở về sống đoàn tụ nhưng bà Q vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa, bà Q khẳng định không thể hàn gắn với ông N, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm không còn yêu thương, chăm sóc cho nhau. Tuy ông N mong vợ chồng về chung sống đoàn tụ nhưng xét thấy ông N đã vi phạm Nêm trọng nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm Nêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Từ những căn cứ nêu trên xét nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà Q và ông N có với nhau 01 người con chung tên Đinh Hoàng Q, sinh ngày 06/8/2013. Hiện tại cháu Q sống cùng bà Q được bà Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Thu nhập hàng tháng của bà Q từ công việc làm tóc sau khi trừ đi các khoản chi phí còn lại là 8.000.000 đồng, nguồn thu nhập ổn định. Vì vậy với thu nhập nêu trên là đảm bảo cho bà Q có đủ điều kiện nuôi dạy con chung. Mặt khác, cháu Q có nguyện vọng tiếp tục được sống với bà Q và tại phiên tòa ông N cũng thống nhất giao con cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, xét nên tiếp tục giao con chung cho bà Q nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Q không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Q có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì caùc leõ treân,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Phương Q được ly hôn với ông Đinh Quang N.
- Về con chung: Giao con chung là Đinh Hoàng Q, sinh ngày 06/8/2013, giới tính nam cho bà Q nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.
- Về cấp dưỡng: Ghi nhận việc bà Q không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Q và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Trần Thị Phương Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0000161 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên bà Q không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Báo cho bà Q và ông N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND phường Tân Phú, Q. 9, Tp.HCM;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho